TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2020/QĐST – HNGĐ	Ng, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG TỈNH K

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung " gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh A Th; sinh ngày 05/4/1987; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ xã P huyện Ng tỉnh K và chị Y Nh; Sinh năm 1987; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã P, huyện Ng, tỉnh K.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Y Nh và anh A Th thỏa thuận: Thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2].Về con chung : Chị Y Nh và anh A Th có hai con chung tên là Y O; sinh ngày 28/5/2007 và Y H, sinh ngày 13/3/2013. Anh A Th và chị Y Nh thỏa thuận để anh A Th trực tiếp nuôi dưỡng con là Y O, chị Y Nh trực tiếp nuôi dưỡng con là Y H. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Chị Y Nh và anh A Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh A Th nhận nộp toàn bộ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Y Nh và anh A Th theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân : Chị Y Nh và anh A Th thỏa thuận, thuận tình ly hôn. Hôn nhân của chị Y Nh và anh A Th chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (29 – 9 - 2020)

- Về con chung: Chị Y Nh và anh A Th có hai con chung. Anh A Th và chị Y Nh thỏa thuận để anh A Th trực tiếp nuôi dưỡng con là Y O, sinh ngày 28/5/2007. Chị Y Nh trực tiếp nuôi dưỡng con là Y H, sinh ngày 13/3/2013. Đến khi các con đủ 18 tuổi có khả năng lao động được. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ Điều 144, 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1, 3 Điều 37 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh A Th nhận nộp toàn bộ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm cho anh Th và chị Nh, nên anh Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Anh A Th được chuyển tiền tạm ứng án phí sang tiền lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002502 ngày 14 - 9 - 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu
- VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã Pờ Y-Ng-
K (nơi đăng ký kết hôn).
- TAND tỉnh K.

THẨM PHÁN